SAO Y; VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI; Thời gian ký: 2025-08-27T08:27:48+07:00

Mẫu số 19

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

Số: 507 /PCTT-VPĐK-ĐK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 26 tháng 8 năm 2025

PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI ĐỐI VỚI 47 HỒ SƠ KHU NHÀ Ở CAO TẦNG TÂN KIỂNG QUẬN 7 (NAY LÀ PHƯỜNG TÂN HƯNG) THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Kính gửi: Thuế cơ sở 7 Thành phố Hồ Chí Minh.

I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

1.1. Mã hồ sơ: **(theo danh sách đính kèm 47 hồ sơ, Biên nhận số 88, 89, 91-135)**

1.2. Ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: 22/5/2025.

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT: **(theo danh sách đính kèm 47 hồ sơ)**

2.1. Tên:

2.2. Địa chỉ:.....

2.3. Số điện thoại liên hệ:..... Email (nếu có):.....

2.4. Mã số thuế (nếu có):.....

2.5. Giấy tờ nhân thân/pháp nhân: .....

Số.....; ngày cấp:..... nơi cấp... .....

2.6. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Cấp Giấy chứng nhận cho người mua nhà trong dự án phát triển nhà ở.

III. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

3.1. Thông tin về đất:

3.1.1. Thửa đất số: 266; Tờ bản đồ số: 19;

3.1.2. Địa chỉ tại: Dự án Khu nhà ở cao tầng Tân Kiểng, 35/12 Bế Văn Cấm, phường Tân Kiểng, Quận 7 (nay là phường Tân Hưng) Thành phố Hồ Chí Minh;

3.1.3. Giá đất: 56.700.000 đồng/m^2 (đường Bế Văn Cấm/trọn đường; Vị trí 1).

- Giá đất theo bảng giá (đối với trường hợp áp dụng giá đất theo bảng giá):.....m^2.
- Giá đất cụ thể:.....m^2.
- Giá trúng đấu giá:.....m^2.
- Giá đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất:.....

3.1.4 Diện tích thửa đất: 3.707,0 m^2

- Diện tích sử dụng chung: 3.707,0 m^2
- Diện tích sử dụng riêng: .....m^2
- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất:.....m^2
- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất (tiền thuê đất):.....m^2
- Diện tích đất trong hạn mức:.....m^2
- Diện tích đất ngoài hạn mức:.....m^2

3.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất:……..

3.1.6. Mục đích sử dụng đất: đất ở đô thị

3.1.7. Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài

3.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày:……../……../……;

3.1.9. Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

3.1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT67829 ngày 16 tháng 11 năm 2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) cấp.

3.2. Thông tin về tài sản gắn liền với đất: **(theo danh sách đính kèm 47 hồ sơ)**

3.2.1. Loại nhà ở, công trình:; cấp hạng nhà ở, công trình: -/- ;

3.2.2. Diện tích sử dụng: m^2;

3.2.3. Diện tích sàn xây dựng: m^2;

3.2.4. Hình thức sở hữu: sở hữu chung;

3.2.5. Số tầng: 24 tầng + 01 hầm + sân thượng + mái che thang;

3.2.6. Nguồn gốc: -/-

3.2.7. Năm hoàn thành xây dựng: 2017;

3.2.8. Thời hạn sở hữu đến: -/- năm.

Kết cấu: Tường gạch, cột BTCT, sàn BTCT, mái BTCT.

IV. THÔNG TIN VỀ NHU CẦU GHI NỢ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH

- Tiền sử dụng đất:……
- Lệ phí trước bạ:……

V. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỘP

Đính kèm danh sách hồ sơ của người mua đề nghị cấp Giấy chứng nhận gồm:

- Đơn Đăng ký;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT67829 ngày 16 tháng 11 năm 2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp;
- Hợp đồng mua bán, các phụ lục hợp đồng và các văn bản chuyển nhượng (nếu có) giữa chủ đầu tư và người mua.
- Bản vẽ sơ đồ căn hộ.

Ghi chú: Công ty Cổ phần Đầu tư Truth Home và người mua cung cấp thêm các chứng từ liên quan (nếu có) để Thuế cơ sở 7 Thành phố Hồ Chí Minh xác định nghĩa vụ tài chính cho các bên theo quy định.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Văn phòng Sở NN&MT (để b/c);
- Trung tâm CNTT (để đăng tin);
- Công ty CP ĐT Truth Home;
- Người mua nhà theo danh sách;
- Lưu: VT, ĐK.Đ.

BN:088/25(47hs)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ

Thân Thế Hùng

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH 47 HỒ SƠ (TÒA T2) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
KHU THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - VĂN PHÒNG KHU NHÀ Ở CAO TẦNG TẠI PHƯỜNG TÂN HƯNG, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Đính kèm Phiếu chuyển số: ..... 507 ...../PC-VPĐK-ĐK ngày 26 / 8 /2025
của Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố

STT	Số biên nhận	Họ tên chủ sở hữu	Địa chỉ căn hộ theo hợp đồng mua bán	Địa chỉ căn hộ cấp theo quyết định cấp Số nhà	Tháp	Tầng/Hầm	Tầng	DT thông thủy (làm tròn 1 số thập phân)	DT sàn (tim tường) (làm tròn 1 số thập phân)	Loại hình tài sản	Hình thức sử dụng
1	**792747212025000088**	**Ông: HUỲNH GIA BẢO** Năm sinh: 1996; CCCD số: 084096007245 **Bà: VÕ THỊ PHƯƠNG AN** Năm sinh: 1996; CCCD số: 083196006298	T2 - 07.07	T2 - 07.07	Tháp 2	07/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	7	67.82	73.08	Căn hộ	Sở hữu chung
2	**792747212025000089**	**Ông: TRẦN ĐĂNG BẢO KHÁNH** Năm sinh: 1980; CCCD số: 079080010153 **Bà: LƯU CẨM HỒNG** Năm sinh: 1988; CCCD số: 096188001322	T2 - 08.03	T2 - 08.03	Tháp 2	8/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	8	87.6	93.7	Căn hộ	Sở hữu chung
3	**792747212025000091**	**Bà: KỶ LÊ TUYẾT NGA** Năm sinh: 1980; CCCD số: 087180000539	T2 - 08.10	T2 - 08.10	Tháp 2	08/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	8	85.9	92.6	Căn hộ	Sở hữu riêng
4	**792747212025000092**	**Bà: NGUYỄN THỊ KIM HẠNH** Năm sinh: 1987; CCCD số: 082187002085	T2 - 08.13	T2 - 08.13	Tháp 2	08/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	8	63.1	68	Căn hộ	Sở hữu riêng
5	**792747212025000093**	**Bà: PHẠM THỊ THU HẰNG** Năm sinh: 1984; CCCD số: 072184007477	T2 - 08.15	T2 - 08.15	Tháp 2	08/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	8	86.4	93.6	Căn hộ	Sở hữu riêng
6	**792747212025000094**	**Ông: LÊ HỒNG VINH** Năm sinh: 1975; CCCD số: 038075022719 **Bà: NGUYỄN THỊ THAO** Năm sinh: 1978; CCCD số: 03817802252	T2 - 09.09	T2 - 09.09	Tháp 2	09/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	9	53.5	57.8	Căn hộ	Sở hữu chung
7	**792747212025000095**	**Bà: PHAN THỊ THU TRANG** Năm sinh: 1975; Căn cước số: 056175000219	T2 - 10.07	T2 - 10.07	Tháp 2	10/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	10	67.8	73.1	Căn hộ	Sở hữu riêng

8	**792747212025000096**	**Ông: VƯƠNG CÔNG LUẬN** Năm sinh: 1991; CCCD số: 079091037956 **Bà: NGUYỄN THỊ QUỐC VY** Năm sinh: 1991; CCCD số: 083191012062	T2 - 11.02	T2 - 11.02	Tháp 2	11/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	11	60.7	65.8	Căn hộ	Sở hữu chung
9	**792747212025000097**	**Ông: NGUYỄN DƯƠNG QUỐC NGUYÊN** Năm sinh: 1993; CCCD số: 048093004106 **Bà: NGUYỄN THỊ NGỌC THÚY** Năm sinh: 1994; CCCD số: 040194023395	T2 - 11.16	T2 - 11.16	Tháp 2	11/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	11	80.6	87.2	Căn hộ	Sở hữu chung
10	**792747212025000098**	**Ông: CHÂU THÀNH THỰC** Năm sinh: 1983; CCCD số: 082083022027 **Bà: NGUYỄN XUÂN HÀ GIAO** Năm sinh: 1985; Căn cước số: 079185001033	T2 - 11.12	T2 - 11.12	Tháp 2	11/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	11	62.7	68	Căn hộ	Sở hữu chung
11	**792747212025000099**	**Ông: LIU, YAO-CHEN** Năm sinh: 1984; Hộ chiếu số: 364139813 Nơi cấp: Bộ Ngoại Giao Quốc tịch: Đài Loan **Bà: LÂM NGỌC PHẤN** Năm sinh: 1990; CCCD số: 075190021534	T2 - 12a.06	T2 - 12a.06	Tháp 2	12A/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	12A	82.1	88.6	Căn hộ	Sở hữu chung
12	**792747212025000100**	**Ông: THÂN TRỌNG HIỂN** Năm sinh: 1996; CCCD số: 056096004767	T2 - 12a.10	T2 - 12a.10	Tháp 2	12A/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	12A	85.9	92.6	Căn hộ	Sở hữu riêng
13	**792747212025000101**	**Bà: NGUYỄN HUYỀN KHANH** Năm sinh: 1952; CCCD số: 040152000347	T2 - 12a.11	T2 - 12a.11	Tháp 2	12A/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	12A	53.5	57.5	Căn hộ	Sở hữu riêng
14	**792747212025000102**	**Ông: ĐINH DUY ANH** Năm sinh: 1989; CCCD số: 001089047251	T2 - 12a.13	T2 - 12a.13	Tháp 2	12A/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	12A	63.1	68	Căn hộ	Sở hữu riêng
15	**792747212025000103**	**Bà: VŨ BẢO NGỌC** Năm sinh: 2000; CCCD số: 030300001445	T2 - 12a.16	T2 - 12a.16	Tháp 2	12A/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	12A	80.6	87.2	Căn hộ	Sở hữu riêng
16	**792747212025000104**	**Ông: NGUYỄN XUÂN PHONG** Năm sinh: 1977; CCCD số: 038077014248 **Bà: LÊ NGUYỄN HẰNG NGA** Năm sinh: 1981; CCCD số: 058181004046	T2 - 12b.03	T2 - 12b.03	Tháp 2	12B/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	12B	87.6	93.7	Căn hộ	Sở hữu chung

17	792747212025000105	**Ông: ĐẶNG NGỌC DIỆU** Năm sinh: 1985; CCCD số: 042085003913 **Bà: NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG** Năm sinh: 1987; CCCD số: 056187007481	T2 - 15.03	T2 - 15.03	Tháp 2	15/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	15	87.6	93.7	Căn hộ	Sở hữu chung
18	792747212025000106	**Ông: ĐẬU TIẾN** Năm sinh: 1988; CCCD số: 040088000732 **Bà: TRƯƠNG THỊ THÙY DUNG** Năm sinh: 1997; CCCD số: 056197009353	T2 - 15.05	T2 - 15.05	Tháp 2	15/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	15	56.8	61.1	Căn hộ	Sở hữu chung
19	792747212025000107	**Ông: HUỲNH THẾ CƯỜNG** Năm sinh: 1988; CCCD số: 079088014684 **Bà: HUỲNH THỊ THANH TRÚC** Năm sinh: 1988; CCCD số: 079188000320	T2 - 15.15	T2 - 15.15	Tháp 2	15/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	15	86.4	93.6	Căn hộ	Sở hữu chung
20	792747212025000108	**Ông: BÙI VŨ VĂN SINH** Năm sinh: 1987; CCCD số: 051087000157 **Bà: VĂN BẢO TRÂM** Năm sinh: 1987; CCCD số: 064187003241	T2 - 16.10	T2 - 16.10	Tháp 2	16/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	16	85.9	92.6	Căn hộ	Sở hữu chung
21	792747212025000109	**Bà: NGUYỄN THỊ NHƯ THẢO** Năm sinh: 1994; CCCD số: 079194035655	T2 - 17.08	T2 - 17.08	Tháp 2	17/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	17	53.8	57.8	Căn hộ	Sở hữu chung
22	792747212025000110	**Ông: PHẠM ĐỨC MINH** Năm sinh: 1984; Căn cước số: 079084022852 **ĐỒNG SỞ HỮU** **Bà: ĐẶNG HOÀI THƠ** Năm sinh: 1982; CCCD số: 089182003002	T2 - 17.09	T2 - 17.09	Tháp 2	17/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	17	53.5	57.8	Căn hộ	Sở hữu chung
23	792747212025000111	**Ông: NGUYỄN THANH HẢI** Năm sinh: 1989; CCCD số: 034089012750 **Bà: PHAN THỊ NGỌC TRÂM** Năm sinh: 1987; CCCD số: 077187004697	T2 - 18.17	T2 - 18.17	Tháp 2	18/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	18	59.1	63.5	Căn hộ	Sở hữu chung
24	792747212025000112	**Ông: NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG** Năm sinh: 1998 CCCD số: 038098019189	T2 - 19.01	T2 - 19.01	Tháp 2	19/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	19	60.4	65.4	Căn hộ	Sở hữu riêng
25	792747212025000113	**Ông: NGUYỄN XUÂN NĂNG** Năm sinh: 1970; CCCD số: 037070004551 **Bà: NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG** Năm sinh: 1977; CCCD số: 040177006611	T2 - 19.04	T2 - 19.04	Tháp 2	19/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	19	56.8	61.1	Căn hộ	Sở hữu chung

26	**792747212025000114**	**Bà: HUỲNH THỊ MỸ HÒA** Năm sinh: 1991; CCCD số: 049191009844	T2 - 19.10	T2 - 19.10	Tháp 2	19/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	19	85.9	92.6	Căn hộ	Sở hữu riêng
27	**792747212025000115**	**Bà: VÕ GIA HÂN** Năm sinh: 1995; CCCD số: 089195009863	T2 - 19.15	T2 - 19.15	Tháp 2	19/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	19	86.4	93.6	Căn hộ	Sở hữu riêng
28	**792747212025000116**	**Bà: NGUYỄN THỊ BÉ NY** Năm sinh: 1987; CCCD số: 091187013653	T2 - 20.07	T2 - 20.07	Tháp 2	20/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	20	67.8	73.1	Căn hộ	Sở hữu riêng
29	**792747212025000117**	**Ông: NGUYỄN ĐỨC TRUNG** Năm sinh: 1985; CCCD số: 091085000126	T2 - 20.09	T2 - 20.09	Tháp 2	20/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	20	53.5	57.8	Căn hộ	Sở hữu riêng
30	**792747212025000118**	**Ông: NGUYỄN PHI** Năm sinh: 1990; CCCD số: 079090010757 **Bà: TRẦN MỘNG ĐÀI** Năm sinh: 1993; CCCD số: 079193015500	T2 - 20.12	T2 - 20.12	Tháp 2	20/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	20	62.7	68	Căn hộ	Sở hữu chung
31	**792747212025000119**	**Bà: BÙI NHẬT HẠ** Năm sinh: 1993; CCCD số: 068193004122	T2 - 20.14	T2 - 20.14	Tháp 2	20/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	20	63.4	68	Căn hộ	Sở hữu riêng
32	**792747212025000120**	**Ông: NGUYỄN ĐÀM MINH TRUNG** Năm sinh: 1988; CCCD số: 079088028508 **Bà: TRẦN THIÊN KIM** Năm sinh: 1988; CCCD số: 079188002310	T2 - 20.17	T2 - 20.17	Tháp 2	20/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	20	59.1	63.5	Căn hộ	Sở hữu chung
33	**792747212025000121**	**Ông: PHẠM XUÂN GIÁP** Năm sinh: 1974; CCCD số: 044074001105 **Bà: PHẠM THỊ HỒNG** Năm sinh: 1974; CCCD số: 044174003115	T2 - 21.03	T2 - 21.03	Tháp 2	21/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	21	87.6	93.7	Căn hộ	Sở hữu chung
34	**792747212025000122**	**Ông: NGUYỄN HOÀNG LONG** Năm sinh: 1997; CCCD số: 075097011139	T2 - 21.15	T2 - 21.15	Tháp 2	21/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	21	86.4	93.6	Căn hộ	Sở hữu riêng
35	**792747212025000123**	**Ông: NGUYỄN LÊ ĐÌNH PHÚC** Năm sinh: 1994; Căn cước số: 079094030576 **Bà: NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO** Năm sinh: 1993; CCCD số: 075193015209	T2 - 22.02	T2 - 22.02	Tháp 2	22/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	22	60.7	65.8	Căn hộ	Sở hữu chung
36	**792747212025000124**	**Bà: NGUYỄN THỤY LY** Năm sinh: 1983; CCCD số: 079183008791	T2 - 22.04	T2 - 22.04	Tháp 2	22/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	22	56.8	61.1	Căn hộ	Sở hữu riêng
37	**792747212025000125**	**Ông: TẠ ĐỨC PHƯỚC** Năm sinh: 1986; CCCD số: 079086028654 **Bà: NGUYỄN THỊ NGỌC BẠCH** Năm sinh: 1986; CCCD số: 079186023253	T2 - 22.10	T2 - 22.10	Tháp 2	22/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	22	85.9	92.6	Căn hộ	Sở hữu chung

38	792747212025000126	**Bà: LÊ NGỌC HOÀI PHƯƠNG** Năm sinh: 1983; CCCD số: 051183007568	T2 - 22.17	T2 - 22.17	Tháp 2	22/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	22	59.1	63.5	Căn hộ	Sở hữu riêng
39	792747212025000127	**Bà: NGUYỄN HOÀNG LAN** Năm sinh: 1997; CCCD số: 083197000575	T2 - 23.01	T2 - 23.01	Tháp 2	23/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	23	60.4	65.4	Căn hộ	Sở hữu riêng
40	792747212025000128	**Ông: PHẠM LÊ HÙNG** Năm sinh: 1991; CCCD số: 001091034094 **Bà: ĐỖ LAN PHƯƠNG** Năm sinh: 1992; CCCD số: 001192036319	T2 - 23.03	T2 - 23.03	Tháp 2	23/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	23	87.6	93.7	Căn hộ	Sở hữu chung
41	792747212025000129	**Ông: LÊ VĂN PHƯỚC** Năm sinh: 1989; CCCD số: 049089000570 **Bà: TRẦN HỒ PHƯƠNG THẢO** Năm sinh: 1989; CCCD số: 049189013349	T2 - 23.04	T2 - 23.04	Tháp 2	23/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	23	56.8	61.1	Căn hộ	Sở hữu chung
42	792747212025000130	**Ông: DƯƠNG TRÍ DŨNG** Năm sinh: 1994; CCCD số: 077094001939	T2 - 23.08	T2 - 23.08	Tháp 2	23/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	23	53.8	57.8	Căn hộ	Sở hữu riêng
43	792747212025000131	**Ông: HUỲNH MINH BẢO** Năm sinh: 1990; CCCD số: 068090008390 **Bà: TRẦN THỊ THÙY LINH** Năm sinh: 1991; CCCD số: 079191006253	T2 - 23.15	T2 - 23.15	Tháp 2	23/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	23	86.4	93.6	Căn hộ	Sở hữu chung
44	792747212025000132	**Bà: BÙI THỊ MAI LINH** Năm sinh: 1994; CCCD số: 026194011675	T2 - 23.16	T2 - 23.16	Tháp 2	23/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	23	80.6	87.2	Căn hộ	Sở hữu riêng
45	792747212025000133	**Ông: NGUYỄN VĂN ĐIỂN** Năm sinh: 1967; CCCD số: 030067001270 **Bà: NGUYỄN THỊ THƯNG** Năm sinh: 1967; CCCD số: 030167009879	T2 - 24.01	T2 - 24.01	Tháp 2	24/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	24	60.5	65.4	Căn hộ	Sở hữu chung
46	792747212025000134	**Ông: LƯU HỒNG PHƯỚC** Năm sinh: 1972; CCCD số: 079072036955 **Bà: NGUYỄN THỊ TÁM** Năm sinh: 1981; CCCD số: 087181000118	T2 - 24.03	T2 - 24.03	Tháp 2	24/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	24	87.4	93.5	Căn hộ	Sở hữu chung
47	792747212025000135	**Bà: NGUYỄN LAN ANH** Năm sinh: 1998; CCCD số: 052198001433	T2 - 24.12	T2 - 24.12	Tháp 2	24/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	24	46.2	49.6	Căn hộ	Sở hữu riêng